

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **229/2020/DS-ST**

Ngày 21 - 12 - 2020

V/v Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 18 và 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 593/2020/TLST-DS ngày 03/11/2020 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2020/QĐXXST-DS ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Kim T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Vào ngày 19/02/2012 âm lịch bị đơn có mở 01 dây hui loại hui 10.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hui gồm có 56 chung, nguyên đơn tham gia chơi 01 chung, quá trình chơi hui thì nguyên đơn đóng được 19 lần (hui còn sống), từng lần đóng hui không nhớ, sau đó bị đơn tuyên bố đình hui. Dây hui này nguyên đơn đóng được tổng cộng 19 lần X 10.000.000 đồng (có lãi hui) = 190.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý

bớt cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, chỉ yêu cầu số tiền 160.000.000 đồng. Vào ngày 04/01/2010 âm lịch bị đơn có mở 01 dây hụi loại hụi 6.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm có 57 chung, nguyên đơn tham gia chơi 01 chung, quá trình chơi hụi thì nguyên đơn đóng được 44 lần (hụi còn sống), từng lần đóng hụi không nhớ, sau đó bị đơn tuyên bố đình hụi. Dây hụi này nguyên đơn đóng được 44 lần X 6.000.000 đồng (có lãi hụi) = 264.000.000 đồng, bị đơn trả được 65.000.000 đồng và trừ đi tiền còn là 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 196.000.000 đồng. Tổng 02 dây hụi bị đơn còn nợ nguyên đơn 356.000.000 đồng, sự việc này bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ tại biên bản thỏa thuận được lập tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời ngày 27/10/2020 và việc bị đơn thừa nhận nghĩa vụ 356.000.000 đồng là có và không đồng ý đối trừ cho khoản nợ thi hành án của ông Thiết (với lý do bị đơn còn nợ nhiều người nên lấy tiền ông Thiết để trả cho các hụi viên khác), biên bản có đọc lại cho bị đơn cùng tất cả mọi người cùng nghe và có ký tên. Trước đây, bị đơn không thừa nhận nghĩa vụ với nguyên đơn, nên nguyên đơn chưa có đủ chứng cứ để chứng minh nên chưa yêu cầu, sau này có được chứng cứ tại cơ quan thi hành án nên mới khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 356.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với số tiền vốn từng lần đóng hụi của 02 dây hụi và thời gian đóng hụi của nguyên đơn theo như lời trình bày của bị đơn, yêu cầu xem xét vốn gốc đóng vào và lãi theo quy định của pháp luật từng thời điểm đóng hụi đến thời điểm xét xử đối với số tiền vốn đóng vào, nếu số tiền vốn và lãi nhiều hơn hay ít hơn số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì vẫn yêu cầu bị đơn trả số tiền 356.000.000 đồng. Đồng thời đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền 65.000.000 đồng bị đơn đã trả cho ông T vào thời gian như sau tháng 03/2014 âm lịch trả 50.000.000 đồng, tháng 06/2014 âm lịch trả 10.000.000 đồng, tháng 10/2014 âm lịch trả 5.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 24/11/2020 của bị đơn và lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 19/02/2012 âm lịch bị đơn có mở 01 dây hụi loại hụi 10.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hụi gồm có 56 chung, nguyên đơn tham gia chơi 01 chung, quá trình chơi hụi nguyên đơn đóng được 19 lần hụi sống, thì bị đơn đình hụi. Nguyên đơn đóng được 19 lần, từng lần đóng hụi vào cụ thể: Lần 01 ngày 19/02/2012 âm lịch đóng 7.500.000 đồng, lần 02 ngày 19/3/2012 âm lịch đóng 6.200.000 đồng lần 03 ngày 19/4/2012 âm lịch đóng 5.200.000 đồng, lần 04 ngày 19/4/2012 âm lịch đóng 5.500.000 đồng, lần 05 ngày 19/5/2012 âm lịch đóng 5.000.000 đồng, lần 06 ngày 19/6/2012 âm lịch đóng 5.100.000 đồng, lần 07 ngày 19/7/2012 âm lịch đóng 5.300.000 đồng, lần 08 ngày 19/8/2012 âm lịch đóng 5.900.000 đồng, lần 09 ngày 19/9/2012 âm lịch đóng 5.250.000 đồng, lần 10 ngày 19/10/2012 âm lịch đóng 5.100.000 đồng, lần 11 ngày 19/11/2012 âm lịch đóng 4.900.000 đồng, lần 12 ngày 19/12/2012 âm lịch đóng 4.250.000 đồng, lần 13 ngày 19/01/2013 âm lịch đóng 4.950.000 đồng, lần 14 ngày 19/02/2013 âm lịch đóng 4.900.000 đồng, lần 15 ngày 19/3/2013 âm lịch đóng 4.950.000 đồng, lần 16 ngày 19/4/2013 âm lịch đóng 4.900.000 đồng, lần 17 ngày 19/5/2013 âm lịch đóng 4.300.000 đồng, lần 18 ngày 19/6/2013 âm lịch đóng 5.000.000 đồng, lần 19 ngày 19/7/2013 âm lịch đóng

3.400.000 đồng.

Tổng số tiền vốn nguyên đơn đóng vào ở đây hội này là 98.050.000 đồng cho đến nay chưa trả lại cho nguyên đơn. Đây hội này đồng ý trả vốn cho nguyên đơn (nhưng có trừ đi số tiền nguyên đơn bớt cho bị đơn là 30.000.000 đồng).

Vào ngày 04/01/2010 âm lịch bị đơn có mở 01 đây hội loại hội 6.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hội gồm có 57 chung, nguyên đơn tham gia chơi 01 chung, quá trình chơi hội, nguyên đơn đóng được 44 lần hội sống, thì bị đơn đình hội. Nguyên đơn đóng được 44 lần, từng lần đóng hội vào cụ thể: Lần 01 ngày 04/01/2010 âm lịch đóng 4.500.000 đồng, lần 02 ngày 04/02/2010 âm lịch đóng 3.700.000 đồng, lần 03 ngày 04/3/2010 âm lịch đóng 3.250.000 đồng, lần 04 ngày 04/4/2010 âm lịch đóng 3.250.000 đồng, lần 05 ngày 04/5/2010 âm lịch đóng 3.500.000 đồng, lần 06 ngày 04/6/2010 âm lịch đóng 3.440.000 đồng, lần 07 ngày 04/7/2010 âm lịch đóng 3.300.000 đồng, lần 08 ngày 04/8/2010 âm lịch đóng 3.100.000 đồng, lần 09 ngày 04/9/2010 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, lần 10 ngày 04/10/2010 âm lịch đóng 3.100.000 đồng, lần 01 ngày 04/11/2010 âm lịch đóng 3.070.000 đồng, lần 12 ngày 04/12/2010 âm lịch đóng 3.200.000 đồng, lần 13 ngày 04/01/2011 âm lịch đóng 3.100.000 đồng, lần 14 ngày 04/02/2011 âm lịch đóng 3.200.000 đồng, lần 15 ngày 04/3/2011 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, lần 16 ngày 04/4/2011 âm lịch đóng 2.800.000 đồng, lần 17 ngày 04/5/2011 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, lần 18 ngày 04/6/2011 âm lịch đóng 2.650.000 đồng, lần 19 ngày 04/7/2011 âm lịch đóng 2.550.000 đồng, lần 20 ngày 04/8/2011 âm lịch đóng 2.800.000 đồng, lần 21 ngày 04/9/2011 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, lần 22 ngày 04/10/2011 âm lịch đóng 2.700.000 đồng, lần 23 ngày 04/11/2011 âm lịch đóng 2.950.000 đồng, lần 24 ngày 04/12/2011 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, lần 25 ngày 04/01/2012 âm lịch đóng 2.700.000 đồng, lần 26 ngày 04/02/2012 âm lịch đóng 2.700.000 đồng, lần 27 ngày 04/3/2012 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, lần 28 ngày 04/4/2012 âm lịch đóng 2.600.000 đồng, lần 29 ngày 04/5/2012 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, lần 30 ngày 04/6/2012 âm lịch đóng 2.950.000 đồng, lần 31 ngày 04/7/2012 âm lịch đóng 2.800.000 đồng, lần 32 ngày 04/8/2012 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, lần 33 ngày 04/9/2012 âm lịch đóng 3.350.000 đồng, lần 34 ngày 04/10/2012 âm lịch đóng 3.150.000 đồng, lần 35 ngày 04/11/2012 âm lịch đóng 2.900.000 đồng, lần 36 ngày 04/12/2012 âm lịch đóng 3.300.000 đồng, lần 37 ngày 04/01/2013 âm lịch đóng 3.300.000 đồng, lần 38 ngày 04/02/2013 âm lịch đóng 2.950.000 đồng, lần 39 ngày 04/3/2013 âm lịch đóng 2.900.000 đồng, lần 40 ngày 04/4/2013 âm lịch đóng 2.500.000 đồng, lần 41 ngày 04/4/2013 âm lịch đóng 2.500.000 đồng, lần 42 ngày 04/5/2013 âm lịch đóng 2.250.000 đồng, lần 43 ngày 04/6/2013 âm lịch đóng 1.500.000 đồng, lần 44 ngày 04/7/2013 âm lịch đóng 1.350.000 đồng.

Tổng số tiền vốn nguyên đơn đóng vào ở đây hội này là 123.110.000 đồng cho đến nay chưa trả lại cho nguyên đơn. Đây hội này đồng ý trả vốn cho nguyên đơn (nhưng có trừ đi số tiền bị đơn đã trả cho ông T 65.000.000 đồng và số tiền nguyên đơn bớt cho bị đơn 40.000.000 đồng (khi họp hội viên)).

Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn ở 02 đây hội tổng số tiền là 86.160.000 đồng. Lý do đình hội là do hội viên hốt hội nhưng không thực nghĩa vụ đóng hội chết lại để xoay đồng vốn cho các hội viên và bị đơn có khả năng đóng hội thay. Việc thỏa

thuận thi hành án có làm biên bản ngày 27/10/2020 bị đơn chỉ thừa nhận tham gia, còn việc trình bày thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 356.000.000 đồng là không đúng.

Nay bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn tổng số tiền hội 86.160.000 đồng, đồng thời yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn còn xác định khi đình hội thì giữa bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận bị đơn chỉ lấy lại số tiền vốn và hứa không khởi kiện, nhưng nay nguyên đơn khởi kiện là không đúng.

Tại phiên tòa, bị đơn xác định số tiền 65.000.000 đồng đã trả cho nguyên đơn vào thời gian như sau tháng 03/2014 âm lịch trả 50.000.000 đồng, tháng 06/2014 âm lịch trả 10.000.000 đồng, tháng 10/2014 âm lịch trả 5.000.000 đồng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về pháp luật áp dụng:* Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước ngày 01/01/2017 và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp với Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy tại bản tự khai ngày 24/11/2020 của bị đơn và lời trình bày của bị đơn tại phiên hòa giải ngày 30/11/2020 tại Tòa án thì bị đơn đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại, nên việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 162, Điều 427 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền hội 356.000.000 đồng và có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là “*Biên bản về việc các bên yêu cầu thỏa thuận thi hành án ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời*”, đồng thời chứng minh tại biên bản có nội dung bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ nợ tiền hội số tiền 356.000.000 đồng. Phía bị đơn xác định việc thỏa thuận thi hành án tại biên bản làm việc ngày 27/10/2020 thì bị đơn có tham gia, còn việc trình bày thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 356.000.000 đồng là không đúng, đồng thời cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là “*Biên bản các bên yêu cầu xác nhận nội dung biên bản làm việc ngày 27/10/2020 được lập ngày 01/12/2020 của Chi cục thi*

hành án dân sự huyện Trần Văn Thời”, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 86.160.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời phía nguyên đơn và bị đơn xác định bị đơn chỉ thừa nhận nợ nguyên đơn 02 dây hui, còn nội dung bị đơn thừa nhận nợ 356.000.000 đồng là do cán bộ thi hành án nhầm lẫn trong lúc ghi biên bản, nên không xem tài liệu, chứng cứ là biên bản ngày 27/10/2020 để làm chứng cứ xem xét và giải quyết vụ án, do đó cần xem xét đến các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án để xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 30/11/2020 tại Tòa án và tại phiên tòa giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều xác định bị đơn có mở 02 dây hui, nguyên đơn tham gia mỗi dây 01 chung (01 dây hui mở ngày 19/02/2012 âm lịch, loại hui 10.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hui gồm có 56 chung; 01 dây hui mở ngày 04/01/2010 âm lịch, loại hui 6.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hui gồm có 57 chung), quá trình tham gia chơi hui với nhau bị đơn đóng hui cho nguyên đơn được 19 lần ở dây hui 10.000.000 đồng, 44 lần ở dây hui 6.000.000 đồng, đến ngày 19/8/2013 âm lịch nguyên đơn tuyên bố đình hui, đồng thời các bên đều thừa nhận và thống nhất số tiền hui từng lần đóng vào và thời gian đóng hui của nguyên đơn đóng cho bị đơn. Hui giữa các đương sự có tranh chấp là hui có lãi và các đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất trong hui, do đó để xem xét đúng quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch hui theo quy định của pháp luật thì cần xem xét số tiền vốn đóng vào của nguyên đơn và tính lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (lãi suất được áp dụng để tính là 13,5%/năm) đối với các khoản tiền đóng vào của nguyên đơn ở từng thời điểm đóng hui cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 476, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 17, Điều 29, Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 Về họ, hui, biêu, phường để xác định nghĩa vụ của bị đơn hoàn trả số tiền hui cho nguyên đơn, cụ thể:

*** Dây hui loại 10.000.000 đồng:**

Lần 01 ngày 19/02/2012 âm lịch đóng 7.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 08 tháng 16 ngày X $7.500.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 8.932.500 \text{ đồng (lãi)} + \text{vốn } 7.500.000 \text{ đồng} = 16.432.500 \text{ đồng}.$

Lần 02 ngày 19/3/2012 âm lịch đóng 6.200.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 07 tháng 16 ngày X $6.200.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 7.314.450 \text{ đồng} + \text{vốn } 6.200.000 \text{ đồng} = 13.514.450 \text{ đồng}.$

Lần 03 ngày 19/4/2012 âm lịch đóng 5.200.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 06 tháng 16 ngày X $5.200.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 6.076.200 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.200.000 \text{ đồng} = 11.276.200 \text{ đồng}.$

Lần 04 ngày 19/4/2012 âm lịch đóng 5.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 05 tháng 16 ngày X $5.500.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 6.364.875 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.500.000 \text{ đồng} = 11.864.875 \text{ đồng}.$

Lần 05 ngày 19/5/2012 âm lịch đóng 5.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 04 tháng 16 ngày X
 $5.000.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.730.000 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.000.000 \text{ đồng} = 10.730.000 \text{ đồng}.$

Lần 06 ngày 19/6/2012 âm lịch đóng 5.100.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 03 tháng 16 ngày X
 $5.100.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.787.225 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.100.000 \text{ đồng} = 10.887.225 \text{ đồng}.$

Lần 07 ngày 19/7/2012 âm lịch đóng 5.300.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 02 tháng 16 ngày X
 $5.300.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.954.550 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.300.000 \text{ đồng} = 11.254.550 \text{ đồng}.$

Lần 08 ngày 19/8/2012 âm lịch đóng 5.900.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 01 tháng 16 ngày X
 $5.900.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 6.562.275 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.900.000 \text{ đồng} = 12.462.275 \text{ đồng}.$

Lần 09 ngày 19/9/2012 âm lịch đóng 5.250.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 16 ngày X
 $5.250.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.780.250 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.250.000 \text{ đồng} = 11.030.250 \text{ đồng}.$

Lần 10 ngày 19/10/2012 âm lịch đóng 5.100.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 11 tháng 16 ngày X
 $5.100.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.557.725 \text{ đồng} + \text{vốn } 5.100.000 \text{ đồng} = 10.657.725 \text{ đồng}.$

Lần 11 ngày 19/11/2012 âm lịch đóng 4.900.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 10 tháng 16 ngày X
 $4.900.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.284.650 \text{ đồng} + \text{vốn } 4.900.000 \text{ đồng} = 10.184.650 \text{ đồng}.$

Lần 12 ngày 19/12/2012 âm lịch đóng 4.250.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 09 tháng 16 ngày X
 $4.250.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 4.535.812 \text{ đồng} + \text{vốn } 4.250.000 \text{ đồng} = 8.785.812 \text{ đồng}.$

Lần 13 ngày 19/01/2013 âm lịch đóng 4.950.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 08 tháng 16 ngày X
 $4.950.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.227.200 \text{ đồng} + \text{vốn } 4.950.000 \text{ đồng} = 10.177.200 \text{ đồng}.$

Lần 14 ngày 19/02/2013 âm lịch đóng 4.900.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 07 tháng 16 ngày X
 $4.900.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 13,5\%/\text{năm} = 5.119.275 \text{ đồng} + \text{vốn } 4.900.000 \text{ đồng} = 10.019.275 \text{ đồng}.$

Lần 15 ngày 19/3/2013 âm lịch đóng 4.950.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 06 tháng 16 ngày X

4.950.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 5.115.825 đồng + vốn 4.950.000 đồng = 10.065.825 đồng.

Lần 16 ngày 19/4/2013 âm lịch đóng 4.900.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 05 tháng 16 ngày X 4.900.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 5.009.025 đồng + vốn 4.900.000 đồng = 9.909.025 đồng.

Lần 17 ngày 19/5/2013 âm lịch đóng 4.300.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 04 tháng 16 ngày X 4.300.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.347.300 đồng + vốn 4.300.000 đồng = 8.647.300 đồng.

Lần 18 ngày 19/6/2013 âm lịch đóng 5.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 03 tháng 16 ngày X 5.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.998.750 đồng + vốn 5.000.000 đồng = 9.998.750 đồng.

Lần 19 ngày 19/7/2013 âm lịch đóng 3.400.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 02 tháng 16 ngày X 3.400.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.360.900 đồng + vốn 3.400.000 đồng = 6.760.900 đồng.

=> Tổng vốn và lãi ở đây hui này là 193.655.537 đồng.

*** Dây hui loại 6000.000 đồng:**

Lần 01 ngày 04/01/2010 âm lịch đóng 4.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 10 tháng 01 ngày X 4.500.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 6.051.375 đồng + vốn 4.500.000 đồng = 10.551.375 đồng.

Lần 02 ngày 04/02/2010 âm lịch đóng 3.700.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 09 tháng 01 ngày X 3.700.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.933.950 đồng + vốn 3.700.000 đồng = 8.633.950 đồng.

Lần 03 ngày 04/03/2010 âm lịch đóng 3.250.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 08 tháng 01 ngày X 3.250.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.297.312 đồng + vốn 3.250.000 đồng = 7.547.312 đồng.

Lần 04 ngày 04/04/2010 âm lịch đóng 3.250.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 07 tháng 01 ngày X 3.250.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.260.750 đồng + vốn 3.250.000 đồng = 7.510.750 đồng.

Lần 05 ngày 04/05/2010 âm lịch đóng 3.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 06 tháng 01 ngày X 3.500.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.549.125 đồng + vốn 3.500.000 đồng = 8.049.125 đồng.

Lần 06 ngày 04/06/2010 âm lịch đóng 3.440.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 05 tháng 01 ngày X

3.440.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.432.440 đồng + vốn 3.440.000 đồng = 7.872.440 đồng.

Lần 07 ngày 04/07/2010 âm lịch đóng 3.300.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 04 tháng 01 ngày X 3.300.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.214.925 đồng + vốn 3.300.000 đồng = 7.514.925 đồng.

Lần 08 ngày 04/08/2010 âm lịch đóng 3.100.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 03 tháng 01 ngày X 3.100.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.924.600 đồng + vốn 3.100.000 đồng = 7.024.600 đồng.

Lần 09 ngày 04/09/2010 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 02 tháng 01 ngày X 3.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.764.250 đồng + vốn 3.000.000 đồng = 6.764.250 đồng.

Lần 10 ngày 04/10/2010 âm lịch đóng 3.100.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 01 tháng 01 ngày X 3.100.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.854.850 đồng + vốn 3.100.000 đồng = 6.954.850 đồng.

Lần 11 ngày 04/11/2010 âm lịch đóng 3.070.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 09 năm 01 ngày X 3.070.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.783.007 đồng + vốn 3.070.000 đồng = 6.853.007 đồng.

Lần 12 ngày 04/12/2010 âm lịch đóng 3.200.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 11 tháng 01 ngày X 3.200.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.907.200 đồng + vốn 3.200.000 đồng = 7.107.200 đồng.

Lần 13 ngày 04/01/2011 âm lịch đóng 3.100.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 10 tháng 01 ngày X 3.100.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.750.225 đồng + vốn 3.100.000 đồng = 6.850.225 đồng.

Lần 14 ngày 04/02/2011 âm lịch đóng 3.200.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 09 tháng 01 ngày X 3.200.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.835.200 đồng + vốn 3.200.000 đồng = 7.035.200 đồng.

Lần 15 ngày 04/03/2011 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 08 tháng 01 ngày X 3.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.561.750 đồng + vốn 3.000.000 đồng = 6.561.750 đồng.

Lần 16 ngày 04/04/2011 âm lịch đóng 2.800.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 07 tháng 01 ngày X 2.800.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.292.800 đồng + vốn 2.800.000 đồng = 6.092.800 đồng.

Lần 17 ngày 04/05/2011 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 06 tháng 01 ngày X

2.750.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.203.062 đồng + vốn 2.750.000 đồng = 5.953.062 đồng.

Lần 18 ngày 04/06/2011 âm lịch đóng 2.650.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 05 tháng 01 ngày X 2.650.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.056.775 đồng + vốn 2.650.000 đồng = 5.706.775 đồng.

Lần 19 ngày 04/07/2011 âm lịch đóng 2.550.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 04 tháng 01 ngày X 2.550.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.912.737 đồng + vốn 2.550.000 đồng = 5.462.737 đồng.

Lần 20 ngày 04/08/2011 âm lịch đóng 2.800.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 03 tháng 01 ngày X 2.800.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.166.800 đồng + vốn 2.800.000 đồng = 5.966.800 đồng.

Lần 21 ngày 04/09/2011 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 02 tháng 01 ngày X 2.750.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.079.312 đồng + vốn 2.750.000 đồng = 5.829.312 đồng.

Lần 22 ngày 04/10/2011 âm lịch đóng 2.700.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 01 tháng 01 ngày X 2.700.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.992.950 đồng + vốn 2.700.000 đồng = 5.692.950 đồng.

Lần 23 ngày 04/11/2011 âm lịch đóng 2.950.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 08 năm 01 ngày X 2.950.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.236.887 đồng + vốn 2.950.000 đồng = 6.186.887 đồng.

Lần 24 ngày 04/12/2011 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 11 tháng 01 ngày X 2.750.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.986.500 đồng + vốn 2.750.000 đồng = 5.736.500 đồng.

Lần 25 ngày 04/01/2012 âm lịch đóng 2.700.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 10 tháng 01 ngày X 2.700.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.901.825 đồng + vốn 2.700.000 đồng = 5.601.825 đồng.

Lần 26 ngày 04/02/2012 âm lịch đóng 2.700.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 09 tháng 01 ngày X 2.700.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.871.450 đồng + vốn 2.700.000 đồng = 5.571.450 đồng.

Lần 27 ngày 04/03/2012 âm lịch đóng 2.750.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 08 tháng 01 ngày X 2.750.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.893.687 đồng + vốn 2.750.000 đồng = 5.643.687 đồng.

Lần 28 ngày 04/04/2012 âm lịch đóng 2.600.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 07 tháng 01 ngày X

2.600.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.706.600 đồng + vốn 2.600.000 đồng = 5.306.600 đồng.

Lần 29 ngày 04/05/2012 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 06 tháng 01 ngày X 3.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.089.250 đồng + vốn 3.000.000 đồng = 6.089.250 đồng.

Lần 30 ngày 04/06/2012 âm lịch đóng 2.950.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 05 tháng 01 ngày X 2.950.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.004.575 đồng + vốn 2.950.000 đồng = 5.954.575 đồng.

Lần 31 ngày 04/07/2012 âm lịch đóng 2.800.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 04 tháng 01 ngày X 2.800.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.820.300 đồng + vốn 2.800.000 đồng = 5.620.300 đồng.

Lần 32 ngày 04/08/2012 âm lịch đóng 3.000.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 03 tháng 01 ngày X 3.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.988.000 đồng + vốn 3.000.000 đồng = 5.988.000 đồng.

Lần 33 ngày 04/09/2012 âm lịch đóng 3.350.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 02 tháng 01 ngày X 3.350.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.298.912 đồng + vốn 3.350.000 đồng = 6.648.912 đồng.

Lần 34 ngày 04/10/2012 âm lịch đóng 3.150.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 01 tháng 01 ngày X 3.150.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.066.525 đồng + vốn 3.150.000 đồng = 6.216.525 đồng.

Lần 35 ngày 04/11/2012 âm lịch đóng 2.900.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 07 năm 01 ngày X 2.900.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.790.525 đồng + vốn 2.900.000 đồng = 5.690.525 đồng.

Lần 36 ngày 04/12/2012 âm lịch đóng 3.300.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 11 tháng 01 ngày X 3.300.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.138.300 đồng + vốn 3.300.000 đồng = 6.438.300 đồng.

Lần 37 ngày 04/01/2013 âm lịch đóng 3.300.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 10 tháng 01 ngày X 3.300.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 3.101.175 đồng + vốn 3.300.000 đồng = 6.401.175 đồng.

Lần 38 ngày 04/02/2013 âm lịch đóng 2.950.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 09 tháng 01 ngày X 2.950.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.739.075 đồng + vốn 2.950.000 đồng = 5.689.075 đồng.

Lần 39 ngày 04/03/2013 âm lịch đóng 2.900.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 08 tháng 01 ngày X

2.900.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.660.025 đồng + vốn 2.900.000 đồng = 5.560.025 đồng.

Lần 40 ngày 04/04/2013 âm lịch đóng 2.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 07 tháng 01 ngày X 2.500.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.265.000 đồng + vốn 2.500.000 đồng = 4.765.000 đồng.

Lần 41 ngày 04/04/2013 âm lịch (nhuận) đóng 2.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 06 tháng 01 ngày X 2.500.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 2.236.875 đồng + vốn 2.500.000 đồng = 4.736.875 đồng.

Lần 42 ngày 04/05/2013 âm lịch đóng 2.250.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 05 tháng 01 ngày X 2.250.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 1.987.875 đồng + vốn 2.250.000 đồng = 4.237.875 đồng.

Lần 43 ngày 04/06/2013 âm lịch đóng 1.500.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 04 tháng 01 ngày X 1.500.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 1.308.375 đồng + vốn 1.500.000 đồng = 2.808.375 đồng.

Lần 44 ngày 04/07/2013 âm lịch đóng 1.350.000 đồng, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 03 tháng 01 ngày X 1.350.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 1.162.350 đồng + vốn 1.350.000 đồng = 2.512.350 đồng.

=> Tổng vốn và lãi ở đây hụi này là 272.966.472 đồng.

Qua điều chỉnh thì tổng số tiền vốn hụi thực tế nguyên đơn đóng cho bị đơn và lãi là 466.622.009 đồng. Sau khi đối trừ các khoản tiền ông T bớt cho bà N 30.000.000 đồng, tiền bà N đã trả cho ông T 65.000.000 đồng, tiền còn 3.000.000 đồng, thì số tiền còn lại là 368.622.009 đồng.

Đối với số tiền bà N đã trả cho ông T được xác định vào tháng 04/2014 âm lịch trả 50.000.000 đồng, tháng 06/2014 âm lịch trả 10.000.000 đồng, tháng 10/2014 âm lịch (do các đương sự không xác định được ngày nên tính tròn tháng đến tháng 10/2020 âm lịch), để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N, nên cũng cần thực hiện việc tính lãi theo quy định của pháp luật như sau:

Số tiền 50.000.000 đồng trả tháng 03/2014 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 07 tháng X 50.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 45.000.000 đồng.

Số tiền 10.000.000 đồng trả tháng 06/2014 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm 04 tháng X 10.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 8.662.500 đồng.

Số tiền 5.000.000 đồng trả tháng 10/2014 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 (nhằm ngày 05/11/2020 âm lịch) là 06 năm X 10.000.000 đồng X lãi suất 13,5%/năm = 4.106.250 đồng.

=> Tổng lãi được xác định là 57.768.750 đồng.

Như vậy, số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ đối với nguyên đơn là 368.622.009 đồng - 57.768.750 đồng = 310.853.259 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với nguyên đơn (hội viên), nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền hội này là đúng.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền hội là 310.853.259 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội 45.146.741 đồng.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng bị đơn xác định nguyên đơn bớt cho bị đơn ở đây hội loại 6.000.000 đồng, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không thừa nhận vấn đề này, nên không có sở để xem xét.

Đối với việc bị đơn cho rằng sau khi đình hội thì giữa bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận nguyên đơn chỉ lấy lại số tiền vốn và không khởi kiện bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ sau khi đình hội thì giữa bị đơn và nguyên đơn có kết nợ lại nguyên đơn chỉ lấy vốn, nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn; còn việc nguyên đơn khởi kiện đây là quyền cá nhân của nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện thì Tòa án phải xem xét theo quy định của pháp luật là đúng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí 5% đối với số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn, nhưng bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí, nên được xem xét miễn nộp án phí. Nguyên đơn phải chịu án phí 5% đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận, số tiền nguyên đơn tạm ứng án phí trước được chuyển thu đối trừ, phần còn dư được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 162, Điều 427, Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 17, Điều 29, Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 Về họ, hội, biểu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Kim T. Buộc bị đơn Lê Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trần Kim T số tiền 310.853.259 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 45.146.741 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

Bị đơn Lê Thị N được miễn án phí.

Buộc nguyên đơn Trần Kim T phải nộp 2.257.337 đồng, nguyên đơn Trần Kim T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 8.900.000 đồng theo biên lai thu số: 0004222 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, nguyên đơn Trần Kim T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 6.642.663 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải